

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DUỖN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUỖN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Yên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết
2. Ông Huỳnh Minh Rảnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quảng Thanh Trung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Bích T, sinh năm 1983, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Tùng C, sinh năm 1981, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Bích T trình bày:*

Vào năm 2008 chị và chồng tên Trương Tùng C do quen biết nhau đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D vào năm 2009. Sau khi cưới nhau vợ chồng về

sinh sống tại ấp T, xã . Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trương Ngô Thiên P, sinh ngày 25/9/2009. Thời gian đầu sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C cờ bạc, thỉnh thoảng còn đánh đập chị, chị đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên khuyên can nhưng anh C vẫn không thay đổi tính tình. Vì vậy vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có qua lại, hỏi thăm nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không còn ý nghĩa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Tùng C.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Trương Ngô Thiên P, sinh ngày 25/9/2009 hiện đang sống chung với chị. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản*: Không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Tùng C luôn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh C cũng không có lời khai.*

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn chị Ngô Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn chị giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu giải quyết về hôn nhân, nuôi con, cấp dưỡng, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn anh Trương Tùng C dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

#### **Lời phát biểu của Kiểm sát viên:**

- *Về thủ tục tố tụng*: Thủ tục thụ lý hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tổng đạt cho các đương sự đầy đủ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngô Thị Bích T được ly hôn với anh Trương Tùng C; về con chung tên Trương Ngô Thiên P, sinh ngày 25/9/2009 giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

*Về án phí:* Buộc chị Ngô Thị Bích T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Các tình tiết, sự kiện đương sự đã thống nhất:** Không có.

**Các tình tiết, sự kiện đương sự không thống nhất:**

- Nguyên đơn chị Ngô Thị Bích T yêu cầu ly hôn với anh Trương Tùng C; xin nuôi con tên Trương Ngô Thiên P, sinh ngày 25/9/2009; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung.

- Bị đơn anh Trương Tùng C không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Chị T khởi kiện anh C yêu cầu ly hôn và xin được quyền nuôi con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng, tài sản và nợ chung. Anh C không có yêu cầu phản tố nào khác. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh C có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Tùng C dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định của pháp luật.

**[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Bích T:**

**[3.1] Về hôn nhân:** Chị T và anh C lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh năm 2009. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị T và anh C đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định hôn nhân của chị T và anh C là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T khai nhận: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C cờ bạc, thỉnh thoảng còn đánh đập chị, chị đã nhiều lần nhờ gia đình hai bên khuyên can nhưng anh C vẫn không thay đổi tính tình.

Xét thấy gia đình là tế bào xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau,

cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa chị T và anh C chưa thống nhất với nhau về quan điểm sống, về ứng xử giao tiếp; khi mâu thuẫn xảy ra anh chị không tự giải quyết được, không đồng thuận để cùng nhau góp ý, xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để giải quyết mọi vấn đề bất đồng phát sinh nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn anh chị bỏ mặt không quan tâm đến hạnh phúc mà anh chị đã xây dựng nhiều năm qua, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn lại với nhau, tuy nhiên anh C đều vắng mặt, chị T kiên quyết xin ly hôn.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3.2] Về con chung:** Chị T và anh C chung sống với nhau có 01 con tên Trương Ngô Thiên P, sinh ngày 25/9/2009; cháu P có nguyện vọng sống chung với chị T; chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của con. Tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định “...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”. Do đó Hội đồng xét xử giao quyền trực tiếp nuôi con cho chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung:** Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

**[5] Về án phí:** Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Thủy phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

**[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.**

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân*: Chị Ngô Thị Bích T được ly hôn với anh Trương Tùng C.
2. *Về con chung*: Chị Ngô Thị Bích T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Ngô Thiên P, sinh ngày 25/9/2009.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung*: Các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

4. *Về án phí*: Buộc chị Ngô Thị Bích T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị T đã nộp theo biên lai số 0000679 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Yên**